

Bản án số: 07 /2018/HS-ST
Ngày: 23- 05- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA- THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Văn Nhất

- Bà Nguyễn Thị Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dụ - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 05 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 04 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 05 năm 2018 đối với bị cáo:

Hà Văn Y - Sinh năm 1987 tại xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: bản C, xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Hà Văn Đ và bà Hà Thị T;

Có vợ là Phạm Thị H (đã ly hôn) và 01 con;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam – Công an tỉnh Thanh Hóa (Có mặt);

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Bà Hà Thị T – Sinh năm: 1951 (Có mặt);

Địa chỉ: bản C, xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

2, Anh Bùi Đình T – Sinh năm: 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ: xóm T, xã V, huyện M, Hòa Bình

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn Khôi – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt);

- Người làm chứng: Anh Lương Văn Đ – Sinh năm: 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: bản C, xã P, huyện Q, Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 12 giờ 00 phút ngày 16 tháng 01 năm 2018, Công an huyện Quan Hóa phối hợp với Ban Công an xã Phú Sơn làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại khu vực bản C, xã P, huyện Q. Quá trình tuần tra phát hiện một nam thanh niên điều khiển xe máy màu xám xanh nhãn hiệu EXCITER, của hãng YAMAHA đi theo hướng từ đường liên thôn tại bản Chiềng, xã Phú Sơn đến khu vực giáp ranh bản Chặng, xã Phú Thanh có biểu hiện nghi vấn về ma túy. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra hành chính, đối tượng khai tên là Hà Văn Y (sinh năm 1987, trú tại: bản C, xã P, huyện Q)

Qua kiểm tra, Cơ quan Điều tra đã phát hiện, thu giữ:

+ 01 (một) túi nilon màu xanh, bên trong có chất bột màu trắng ngà (nghi là Heroine) do Y ném từ bàn tay phải xuống đất. 07 (bảy) gói nilon màu xanh và 01 (một) gói nilon màu đen bên trong đều có chứa chất bột màu trắng ngà (nghi là Heroine) do Y tự lấy trong túi áo ngực của mình ra. Y khai nhận đó là Heroine Y mang theo để bán cho những đối tượng nghiện khác kiếm lời;

+ 01 (một) chiếc xe máy EXITER, nhãn hiệu YAMAHA màu xám xanh không có biển kiểm soát;

+ 01 (một) điện thoại NOKIA màu đen loại màn hình cảm ứng đã qua sử dụng

Tổ công tác đã tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong và thu giữ toàn bộ số tài sản, đồ vật nêu trên.

Quá trình khám xét khẩn cấp tại nhà ở của Hà Văn Y (tại bản C, xã P), Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Quan Hóa đã thu giữ:

+ Số tiền 11.600.000đ (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng), gồm các tờ tiền polime mệnh giá khác nhau, do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành; tại tủ đựng thức ăn bằng gỗ trong gian bếp của gia đình;

+ 01 (một) gói nilon màu đen bên trong có chứa các cục vụn màu trắng ngà (nghỉ là Heroine) trên gác bếp.

Tại bản Kết luận giám định số 328/MT- PC54 ngày 19/01/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

+ Chất bột màu trắng ngà của 08 (tám) gói nilon màu xanh và 01 (một) gói nilon màu đen bên trong phong bì niêm phong ký hiệu M1 có tổng khối lượng 1,429g (một phẩy bốn hai chín gam), có ma túy, loại ma túy: Heroine

+ Chất bột màu trắng ngà của 01 (một) gói nilon màu đen bên trong phong bì niêm phong ký hiệu M2 có khối lượng là 3,178g (ba phẩy một bảy tám gam), có ma túy, loại ma túy: Heroine

Tổng khối lượng ma túy thu giữ được của bị cáo là **4,607g** (*bốn phẩy sáu không bảy gam*) Heroine. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người bào chữa đều không có ý kiến gì về kết quả giám định.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Hà Văn Y khai nhận: Khoảng 16 giờ ngày 15 tháng 01 năm 2018, bị cáo đi nhờ xe moto của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ đến khu vực bản K, xã V, huyện M, tỉnh Hòa Bình gặp một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ. Y hỏi: “Anh có ma túy không. Bán cho tôi 2.000.000đ (hai triệu đồng)”. Người đàn ông đáp: “Có”. Y liền đưa cho người đàn ông số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) đưa cho người đàn ông; người đàn ông đưa cho Y một túi nilon màu đen bên trong có chứa heroine. Y cất gói ma túy vừa mua được vào trong túi áo rồi đi nhờ xe moto của một người không quen biết khác trở về nhà (ở bản C, xã P). Sau đó bị cáo lấy ra một ít heroine để sử dụng bằng hình thức hít.

Đến sáng ngày 16/01/2018, bị cáo lấy số ma túy trên đem chia thành hai nửa: một nửa bị cáo chia thành 08 (tám) gói nhỏ đựng trong 08 (tám) túi nilon màu xanh và 01 (một) gói nhỏ đựng trong túi nilon màu đen và cất vào trong túi áo

đang mặc. Số còn lại bị cáo gói lại trong 01 (một) túi nilon màu đen và cất giấu trên gác bếp. Bị cáo khai nhận mục đích chia số heroine thành nhiều gói nhỏ và cất giấu là để sử dụng dần và bán lại cho người khác để kiếm lời.

Đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, khi Y đang ở nhà thì có Lương Văn Đ (sinh năm: 1968, ở **bản C, xã P, huyện Q**) gọi điện thoại hỏi bị cáo: “Có gì không đưa cho chú một quả (ý nói heroine)”. Y trả lời: “Có, cháu đang ăn cơm tí đã”. Sau đó Lương Văn Đ nhắn tin cho bị cáo hỏi: “Ăn cơm xong chưa đem lên cho chú với”. Y nhắn tin trả lời: “Xong rồi, chú lên đường làng Chăng đi”.

Khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo mang theo trong người 08 (tám) túi nilon màu xanh và 01 (một) túi nilon màu đen bên trong đều chứa heroine và điều khiển xe moto đến khu vực ngã ba làng Chăng để bán ma túy cho Đ thì bị lực lượng Công an kiểm tra hành chính, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số vật chứng nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T trình bày: Bà là mẹ đẻ của bị cáo. Vào ngày 16/01/2018, Cơ quan Điều tra khi tiến hành khám xét nhà ở bị cáo có thu giữ số tiền 11.600.000đ (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng) trong chạn bát bằng gỗ dưới gian bếp. Số tiền này có nguồn gốc là tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án Thủy điện Hồi Xuân của gia đình bà, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, bà yêu cầu được nhận lại số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Đình T trình bày: Vào ngày 19/12/2017, anh T có bán cho bị cáo 01 chiếc xe máy EXITER, nhãn hiệu YAMAHA màu xám xanh (là chiếc xe Y đã sử dụng làm phương tiện mua ma túy) với giá 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng). Bị cáo còn nợ lại anh số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) nên anh giữ lại Giấy đăng ký xe (mang tên Hà Văn Y) và Biển kiểm soát (số 36H5- 03784); khi nào Y trả đủ tiền thì anh sẽ giao lại. Anh T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Điều tra 01 Giấy đăng ký xe và 01 Biển kiểm soát nêu trên và có yêu cầu bị cáo phải thanh toán nốt cho anh số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) còn lại. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với yêu cầu trên của anh T

Vật chứng trong vụ án gồm có:

+ Toàn bộ bao gói mở niêm phong và 1,376g (một phẩy ba bảy sáu gam) chất màu trắng ngà của mẫu vật kí hiệu M1; 3,125g (ba phẩy một hai năm gam) chất màu trắng ngà của mẫu kí hiệu M2 là mẫu vật còn lại sau giám định bổ sung. Tất cả được đựng trong một phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên: Nguyễn

Trần Đăng, Trần Thị Thúy Hằng, Nguyễn Viết Tài và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa;

+ 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu NOKIA, loại máy có màn hình cảm ứng. Điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) xe moto YAMAHA, nhãn hiệu EXITER màu xám xanh, không có biển kiểm soát; không có gương phải; số khung G0610HY00825; số máy G3D4E625961. Xe đã qua sử dụng;

+ 01 (một) biển kiểm soát moto số 36-H5 037.84; 01 (một) đăng kí xe mô tô số: 003812, mang tên: Hà Văn Y

+ Số tiền 11.600.000đ (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng) gồm nhiều tờ tiền polime mệnh giá khác nhau do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành

Số vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng – Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSQH- HS ngày 19 tháng 04 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố bị cáo Hà Văn Y về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS 2015

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn Y phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Áp dụng: Khoản 1 điều 251; điểm s khoản 1 điều 51; điều 38 BLHS 2015

Xử phạt bị cáo từ 36 đến tháng 42 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 16/01/2018

Bị cáo khai có mua ma túy với một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để đấu tranh mở rộng vụ án. Đối với hành vi mua ma túy để sử dụng của Lương Văn Đ do việc thực hiện chưa hoàn thành nên không đủ căn cứ để xử lý đối với Lương Văn Đ.

Ngoài ra, Đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết những vấn đề khác trong vụ án như xử lý vật chứng, án phí.

Quan điểm của người bào chữa: Người bào chữa cho bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát, đề nghị HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 để giảm nhẹ một phần hình

phạt cho bị cáo như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Ngoài ra, người bào chữa cho rằng hành vi của bị cáo bán ma túy cho Lương Văn Đ chưa thực hiện được thì đã bị Cơ quan Công an bắt quả tang; do đó đây là trường hợp phạm tội chưa đạt nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 15, khoản 3 Điều 57 BLHS giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải, mong HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội cải tạo, tu dưỡng thành người công dân có ích cho xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa đều không có ý kiến gì. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, khám xét, thu giữ vật chứng, Cơ quan Điều tra vẫn còn có một số sai sót. Cụ thể:

+ Đối với các vật chứng là 01 Giấy đăng kí moto, xe máy và 01 Biển kiểm soát xe máy: Cơ quan Điều tra không tiến hành sao, chụp vật chứng để lưu vào hồ sơ vụ án là không phù hợp với quy định tại Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Đối với Biên bản kiểm tra điện thoại lập ngày 24/01/2018 (bút lục 54): Biên bản này có nội dung truy cập, kiểm tra tin nhắn điện thoại của bị cáo. Tin nhắn điện thoại là dữ liệu điện tử có chứa bí mật cá nhân, bí mật gia đình nhưng khi kiểm tra, Cơ quan điều tra không ra Lệnh khám xét dữ liệu điện tử là trái với nguyên tắc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về bí mật cá nhân, bí mật gia đình theo Điều 12 và quy định tại khoản 2 Điều 192, Điều 193 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuy nhiên, các sai sót, vi phạm này không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra rút kinh nghiệm,

khắc phục các vi phạm nêu trên

[2] *Xét hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; lời khai của bị cáo phù hợp với Biên bản khám xét, thu giữ vật chứng, Kết luận giám định, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã có hành vi mua, tàng trữ chất ma túy nhằm mục đích bán cho người khác kiếm lời; và đã có liên lạc, thỏa thuận về việc bán Heroine cho Lương Văn Đ. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 251 BLHS năm 2015

[3] Đối với quan điểm của người bào chữa về hành vi phạm tội chưa đạt: Xét thấy, tại điểm b, tiểu mục 3.3, Phần II, Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA- VKSNDTC- TANDTC- BTP có quy định:

“3.3. “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là một trong các hành vi sau đây:

b) *Mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;* “

Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo được coi là hoàn thành từ thời điểm mua ma túy với người khác nhằm mục đích bán kiếm lời. Việc bị cáo chưa bán được ma túy cho Lương Văn Đ không ảnh hưởng đến cấu thành của tội phạm. Do đó, quan điểm của người bào chữa là không có cơ sở và không được HĐXX chấp nhận.

[4] *Về hậu quả của hành vi phạm tội:* Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về cả số ma túy thu giữ được trong quá trình bắt quả tang; cũng như số ma túy thu giữ được qua quá trình khám xét chỗ ở của bị cáo. Như vậy, bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép tổng khối lượng chất ma túy là **4,607g (bốn phẩy sáu không bảy gam)** Heroine. Định lượng chất ma túy thuộc quy định tại điểm c khoản 1, Điều 249 BLHS 2015.

[5] *Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước; làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo ý thức được hậu quả của ma túy đối với sức khỏe và đời sống xã hội cũng như sự ngăn cấm của pháp luật; nhưng bị cáo vì muốn kiếm lời nên vẫn cố tình thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo phải bị xử lý đúng mức để đảm bảo răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[6] *Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn có thái độ

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 BLHS để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật. Xét quan điểm của người bào chữa là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận một phần.

[7] *Về hình phạt chính:* Từ những căn cứ nêu trên, cần áp dụng quy định tại điểm c khoản 1, Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS 2015; xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, để bị cáo tích cực cải tạo, rèn luyện trở thành công dân có ích cho xã hội.

[8] *Về hình phạt bổ sung:* Xét thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không có công việc ổn định; sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[9] *Về các tình tiết khác trong vụ án:* Bị cáo khai có mua ma túy với một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để đấu tranh mở rộng vụ án. Hành vi mua ma túy để sử dụng của Lương Văn Đ do chưa thực hiện được, chưa phát sinh hậu quả nên không đủ căn cứ để xử lý.

[10] *Về xử lý vật chứng:*

+ Toàn bộ bao gói mở niêm phong và 1,376g (một phẩy ba bảy sáu gam) chất màu trắng ngà của mẫu vật kí hiệu M1; 3,125g (ba phẩy một hai năm gam) chất màu trắng ngà của mẫu kí hiệu M2 là mẫu vật còn lại sau giám định bổ sung. Tất cả được đựng trong một phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên: Nguyễn Trần Đăng, Trần Thị Thúy Hằng, Nguyễn Viết Tài và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ. Do đó, cần áp dụng quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 47 BLHS 2015; điểm a, khoản 2 Điều 106 BLTTHS 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy;

+ 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu NOKIA, loại máy có màn hình cảm ứng. Điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng; 01 (một) xe moto YAMAHA, nhãn hiệu EXITER màu xám xanh, không có biển kiểm soát; không có gương phải; số khung G0610HY00825; số máy G3D4E625961, xe đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội; nên cần áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47 BLHS 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS 2015 tuyên tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước;

+ 01 (một) biển kiểm soát moto số 36-H5 037.84; 01 (một) đăng kí xe mô tô số: 003812, mang tên Hà Văn Y là vật không thể tách rời của chiếc xe máy nên cũng cần tuyên tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước;

+ Số tiền 11.600.000đ (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng) gồm nhiều tờ tiền polime mệnh giá khác nhau do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015 tuyên trả lại cho bà Tuyết.

[11] *Về trách nhiệm dân sự:* Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Đình T là có cơ sở; nên cần áp dụng quy định tại Điều 430, khoản 1, khoản 3 Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 30 BLTTHS 2015 buộc bị cáo phải thanh toán cho anh T số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)

[12] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 251; điểm s khoản 1 điều 51; điều 38 BLHS 2015

Căn cứ vào các điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS 2015; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015; Điều 114 BLDS 2015;

Căn cứ vào Điều 430, khoản 1, khoản 3 Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 30 BLTTHS 2015

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, Điều 331, 333 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 19/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. *Tuyên:* Bị cáo **Hà Văn Y** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

2. *Xử phạt :* Bị cáo Hà Văn Y 40(Bốn mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/01/2018

3. *Về xử lý vật chứng:*

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong do Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành bên trong có chứa toàn bộ bao gói mở niêm phong và 1,376g (một phẩy ba bảy sáu gam) chất màu trắng ngà của

mẫu vật kí hiệu M1; 3,125g (ba phẩy một hai năm gam) chất màu trắng ngà của mẫu kí hiệu M2 là mẫu vật còn lại sau giám định ;

+ Tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu NOKIA, loại máy có màn hình cảm ứng; điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng; 01 (một) xe moto YAMAHA, nhãn hiệu EXITER màu xám xanh, không có biển kiểm soát; không có gương phải; số khung G0610HY00825; số máy G3D4E625961, xe đã qua sử dụng; 01 (một) biển kiểm soát moto số 36-H5 037.84; 01 (một) đăng kí xe mô tô số: 003812, mang tên Hà Văn Y;

+ Tuyên trả lại cho bà Hà Thị T số tiền 11.600.000đ (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng);

Đặc điểm vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 20/04/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Quan Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa

4. *Về trách nhiệm dân sự:* Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Đình T, buộc bị cáo phải trả cho **anh T** số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người được thi hành án yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất giới hạn quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về án phí:* Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự

6. *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Đình T. Bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ nội dung bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm ngày); kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Đình T có quyền kháng

cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận bản sao bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QLVN liên quan;
- VKSND huyện Quan Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THADS huyện Quan Hóa;
- Cơ quan CSĐT- CA huyện Quan Hóa;
- Cơ quan THAHS- CA huyện Quan Hóa;
- Trại tạm giam- CA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lữ Thị Mai